

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HSPT

Ngày 13 - 8 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Anh Cường

Bà Phạm Thị Thúy Mai.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:***  
Bà Mậu Mai Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Đỗ Văn L và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Đỗ Văn L, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1975 tại xã Đ, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H1 (đã chết) và bà Đỗ Thị H2; có vợ là Hà Thị D1 và có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 03/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2020 của Công an xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt 1.500.000 đồng đối với Đỗ Văn L về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2020 đến ngày 24/9/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 14 tháng 3 năm 1989 tại xã Đ, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: thôn M, xã Đ, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp:

Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị H3; có vợ là Phan Thị Nh và có 02 con; con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: 02 tiền sự.

+ Tại Quyết định số 444/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2019 của Trưởng Công an huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt 2.000.000đồng đối với Nguyễn Văn H về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa nộp phạt.

+ Tại Quyết định số 166/QĐ-XPVPHC ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt 7.500.000đồng đối với Nguyễn Văn H về hành vi “tàng trữ pháo trái phép”. Bị cáo đã nộp phạt ngày 06/02/2020.

Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 45 ngày 24/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt Nguyễn Văn H 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” (phạm tội ngày 03/12/2010, số tiền đánh bạc là 13.053.000 đồng). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2012, chấp hành xong án phí, phạt bổ sung ngày 12/7/2011 (đã được xóa án tích).

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10 ngày 19/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Phú Thọ, xử phạt Nguyễn Văn H 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” (phạm tội ngày 26/6/2013, số tiền đánh bạc là 34.000.000 đồng). Bị cáo Nguyễn Văn H bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2013 đến 26/01/2014, bản án tuyên phạt H mức phạt tù bằng với thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam (07 tháng) nên H đã chấp hành xong hình phạt tù từ 26/01/2014), chấp hành xong án phí, phạt bổ sung ngày 16/4/2014 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/6/2020 đến ngày 26/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, “có mặt”.

3. Cao Văn G, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1970 tại xã T1, huyện V1, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã T1, huyện V1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Sơn H4 và bà Đại Thị K1 (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị K2 và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 1516/QĐ-CTUBND ngày 16/9/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng đối với Cao Văn G, chấp hành xong ngày 11/3/2012; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

4. Bùi Văn I, sinh ngày 13 tháng 01 năm 1990 tại xã Y, huyện V1, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ2, xã Y, huyện V1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ3 và bà Phùng Thị V1; có vợ là Nguyễn Thị L1, và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2020 của Công an xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt 1.500.000đồng đối với Bùi Văn I về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

5. Nguyễn Trung F, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1998 tại xã Đ3, huyện Y2 Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ĐKHKTT: xã Đ3, huyện Y2, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị Ph; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 02/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2020 của Công an xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt 1.500.000đồng đối với Nguyễn Trung F về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

6. Nguyễn Song R, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1989 tại xã Đ3, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ĐKHKTT: xã Đ3, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Tr và bà Tạ Thị Đ4; có vợ là Nguyễn Thị H5 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/6/2020 đến ngày 26/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, “có mặt”.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2020, Đỗ Văn L biết trong khu vườn của Trung tâm Trải nghiệm sáng tạo Trường trung học cơ sở - trung học phổ thông (Sau đây viết tắt là: THCS - THPT) J thuộc địa phận thôn O1, xã S2, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc có trồng nhiều cây hoa mẫu đơn, nên L rủ bạn là Cao Văn G và Bùi Văn I cùng đi trộm cắp cây hoa mẫu đơn, G và I đồng ý. Đến khoảng 15 giờ ngày

14/5/2020, G gọi điện thoại cho L bảo tối G sẽ đến nhà L để cùng đi trộm cắp cây hoa mẫu đơn thì L đồng ý, sau đó G gọi điện thoại rủ bạn là Nguyễn Song R cùng đi trộm cắp cây hoa mẫu đơn, R đồng ý. G hẹn đến buổi tối ngày 14/5/2020 gặp nhau tại nhà L để cùng đi trộm cắp. Khoảng 20 giờ cùng ngày, G đi đến quán nước vỉa hè của Bùi Văn I ở khu vực nghĩa trang liệt sỹ phường Kh, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc gặp rủ I đến nhà L để đi trộm cắp cây hoa mẫu đơn, I đồng ý rồi điều khiển xe mô tô BKS: 29K2-6371 của I chở G đến nhà L thì gặp L, Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R), Nguyễn Trung F, Nguyễn Văn H ở đó và ngồi uống nước ở phòng khách nhà L. L nói: “Anh em tý có đi lấy cây hoa mẫu đơn không, lấy xong anh sẽ trả công”, G, I, R, V và H đồng ý. Lúc này có anh Trần Văn V1 đang chăm tưới vườn cây đào trồng nhờ tại đất vườn của gia đình L nên L ra vườn cây của anh V1 và hỏi “Chú có mua cây hoa mẫu đơn không?”, anh V1 trả lời “Em làm gì có tiền mà mua”, thì L bảo “Thế chú trồng, chăm sóc cây cho anh, hết bao nhiêu tiền anh trả”, anh V1 không biết L sẽ đi trộm cắp cây hoa nên đồng ý và bảo L “Anh cứ đem về đây em chăm cho”. Sau đó anh V1 đi về nhà còn L đi vào phòng khách nói với G, I, R, V, H “Anh em đi lấy về xong tôi trả mỗi người hai triệu”, rồi L bảo R chuẩn bị xe lôi, R lấy một xe lôi tự chế của anh V1 gửi nhờ tại cổng nhà L. Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, R điều khiển xe mô tô, BKS: 88S2-6262 của L kéo theo xe lôi chở L ngồi trên thùng xe, Hán điều khiển xe mô tô BKS: 88K1-386.12 chở Văn ngồi sau, G điều khiển xe mô tô BKS: 29K2-6371 chở I ngồi sau cùng đi đến đoạn đường đất cách cổng vườn cây của Trung tâm Trải nghiệm sáng tạo Trường THCS - THPT J khoảng 20 - 30m thì dừng lại, để xe mô tô tại đây, L đứng cạnh giới, R kéo theo xe lôi đến trước cổng lối vào khu vườn hoa rồi cùng G, I, H, V đi đến thửa ruộng bên trong khu vườn cách đó khoảng 50m cùng dùng tay nhổ lấy các cây hoa mẫu đơn liên tục khoảng 30 phút thì nhổ được hết toàn bộ số cây ở vườn rồi xếp thành đống tại bờ ruộng, sau đó xếp lên thùng xe lôi đến khi đầy thùng xe thì xe lôi bị cong trục bánh xe không đi được, L bảo mọi người đứng đợi, một mình L điều khiển xe mô tô BKS: 88S2-6262 đi đến nhà bạn là Chu Văn Q1, sinh năm 1977 ở thôn O1, xã S2, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc, hỏi chị Đinh Thị Y2, sinh năm 1977 (vợ của anh Q1) mượn được một xe lôi tự chế rồi quay lại vị trí tập kết cây hoa mẫu đơn cùng nhau chuyển số cây hoa mẫu đơn đã xếp ở thùng xe lôi bị hỏng sang xe lôi mới mượn được rồi R điều khiển xe mô tô BKS: 88S2-6262 kéo theo xe lôi chở cây, L và H đi xe mô tô BKS: 88K1-386.12 theo R để chở chuyển thứ nhất đem về nhà anh V1, còn G, I, V ở lại trông giữ số cây hoa mẫu đơn đã nhổ. Khi đi về đến cổng nhà anh V1 thì L gọi điện thoại cho anh V1 dậy ra mở cổng, L bảo anh V1: “Chú trồng và chăm sóc cây cho anh”, anh V1 hỏi L: “Sao không để đến sáng mai mà đem đến đêm hôm

thế này?”, thì L nói: “Mai tao bận việc không chở được, cây tao mua của người ta mày không phải lo”, nghe L nói vậy thì Vệ tin nên đồng ý và bảo: “Anh cứ xếp cây vào cổng nhà em, sáng mai em trồng cho” rồi anh V1 đi về nhà ngủ. L, H, R cùng xếp toàn bộ số cây hoa mẫu đơn trên thùng xe lôi xuống thành đồng để tại lối đi từ cổng vào sân nhà anh V1. Sau đó, L, H, R quay lại vị trí tập kết cây rồi cùng G, I, Văn tiếp tục chở toàn bộ số cây hoa mẫu đơn còn lại đã nhổ trộm được đem về để tại cổng nhà anh V1, đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 15/5/2020, sau khi đã chở được toàn bộ số cây trộm cắp về nhà anh V1 thì L, G, H, I, R và V về nhà L cất xe lôi bị hỏng và xe lôi L mượn của anh Q1 tại lối cổng vào thì L nói: “Chiều mai anh em quay lại đây, tôi sẽ có trách nhiệm trả công cho mỗi anh em hai triệu”. G, H, I, R, Văn đồng ý và ra về. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 15/5/2020, G, H, I, R và V đến nhà L thì L lấy số tiền 6.000.000 đồng của L đưa cho G để trả công cho G, H và I, sau khi nhận tiền của L, G đưa cho I và H mỗi người 2.000.000 đồng, G giữ lại 2.000.000 đồng. Vì chưa có đủ tiền, L hẹn sẽ trả công cho R và V sau. Sau đó, L đọc cho G viết một bản “Hợp đồng mua bán cây giống” thể hiện G là người bán số cây hoa mẫu đơn cho L (tuy nhiên G viết họ, tên đệm và địa chỉ của G không đúng sự thật) để L dùng tờ hợp đồng này cho anh V1 xem để anh V1 tin là cây do L mua. Đến buổi chiều ngày 16/5/2020, L một mình đem tờ “Hợp đồng mua bán cây giống” do G viết đến nhà gặp đưa cho anh V1 xem thì anh V1 tin và đã đồng ý làm hợp đồng trồng chăm sóc hoa mẫu đơn cho L với tổng số cây kiểm đếm được là 93 cây. Quá trình anh V1 trồng, chăm sóc số cây hoa mẫu đơn nêu trên đã bị chết 22 cây.

Ngay sau khi phát hiện mất tài sản, ngày 15/5/2020 Trung tâm trải nghiệm sáng tạo Trường THCS - THPT J đã tổ chức tìm kiếm lại được 07 cây hoa mẫu đơn do Đỗ Văn L cùng đồng phạm làm rơi vãi tại ven đường dân sinh cách vườn của Trung tâm khoảng 100m đem về trồng tại vườn của Trung tâm. Sau đó trình báo sự việc đến Công an xã K, huyện D. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã K đã báo cáo Cơ quan điều tra Công an huyện D. Qua rà soát, xác I Cơ quan điều tra Công an huyện D đã triệu tập các đối tượng Đỗ Văn L, Bùi Văn I, Nguyễn Văn H, Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) và Nguyễn Trung F làm việc, tại Cơ quan điều tra các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và theo chỉ dẫn của các đối tượng Cơ quan điều tra - Công an huyện D đã thu giữ 71 cây hoa mẫu đơn, giống ta (Việt Nam), loại lá dài nhọn, hoa màu đỏ hoặc màu vàng tại vườn của gia đình anh Trần Văn V1. Ngoài ra còn tạm giữ: 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, màu trắng - bạc đã cũ, kính màn hình bị nứt vỡ số IME: 356565085351353 của Đỗ Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu đen, đã cũ; số IMEI:

358860081288776; số IMEI 2: 358861081288774 của Bùi Văn I; 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, đã cũ, màu: trắng đen bạc, nhãn hiệu: OPPO, màn hình bị nứt vỡ, số IMEI 1: 862651038638992, số IMEI 2: 862651038638984 của Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại màn hình cảm ứng, đã cũ, số IMEI 1: 352987102042431, số IMEI 2: 352988102042439 của Nguyễn Trung F. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã bàn giao vật chứng cùng các tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X để điều tra theo thẩm quyền. Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Đỗ Văn L, Bùi Văn I, Nguyễn Văn H, Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) và Nguyễn Trung F đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và vai trò đồng phạm của Cao Văn G.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X đã thu giữ: 01 xe lôi tự chế, không nhãn mác, đã cũ, phần thân xe cấu tạo bằng kim loại kích thước (146 x 138 x 19) cm, phần cang xe cấu tạo bằng kim loại dài 120 cm, 02 lốp xe kiểu lốp hơi cao su do anh Trần Văn V1 tự nguyện giao nộp; 01 xe mô tô, loại xe Wave, nhãn hiệu: Honda, số máy: 0008187; số khung: 0008187; BKS: 29K2-6371 của chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1986 ở xã Y, huyện V1, tỉnh Vĩnh Phúc (là vợ của Bùi Văn I) tự nguyện giao nộp; 01 xe mô tô, loại xe Vision, nhãn hiệu: Honda, màu sơn: vàng nâu, số khung: 583XKY608031, số máy: JF86E0320777, BKS: 88K1-386.12 do chị Phan Thị Nh, sinh năm 1996 ở xã Đ, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (là vợ của Nguyễn Văn H) tự nguyện giao nộp; 01 xe mô tô, loại xe Dream, màu sơn: nâu, số máy nguyên thủy: HA08E1613478, số khung không xác định được, gắn BKS: 88F9-6262 (xe của L do Công an xã K, huyện D tạm giữ và bàn giao để điều tra theo thẩm quyền).

Đối với 22 cây hoa mẫu đơn đã chết trong quá trình anh Trần Văn V1 trồng, chăm sóc, anh V1 đã nhổ và đốt bỏ khi thu dọn vườn cây nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại của G sử dụng liên lạc phạm tội, G khai đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được để xử lý.

Cơ quan điều tra - Công an huyện X đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X, định giá đối với các cây hoa mẫu đơn L cùng đồng phạm trộm cắp của Trung tâm trải nghiệm sáng tạo Trường THCS - THPT J. Tại Kết luận định giá tài sản số 65 ngày 25/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện X, kết luận: Tổng trị giá 71 cây hoa mẫu đơn là 14.200.000 đồng (200.000 đồng/1 cây). Tại Kết luận định giá tài sản số 87 ngày 11/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện X, kết luận: Tổng trị giá 07 cây hoa mẫu đơn là 1.400.000 đồng (200.000 đồng/1 cây).

Đối với 22 cây hoa mẫu đơn, quá trình điều tra không thu giữ được, nên

ngày 30/10/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện X có Công văn số 165 từ chối định giá do không đủ căn cứ để xác định giá trị.

Đối với 71 cây hoa mẫu đơn đã thu giữ tại nhà anh Trần Văn V1, sau khi xác I làm rõ Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trung tâm trải nghiệm sáng tạo Trường THCS - THPT J. Nhận lại tài sản Trung tâm không yêu cầu gì về việc bồi thường.

- Đối với 07 cây hoa mẫu đơn, quá trình điều tra xác định Trung tâm trải nghiệm sáng tạo Trường THCS - THPT J ngay sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản thì đã tổ chức tìm kiếm lại được đem về trồng tại vườn của Trung tâm. Đến nay Trung tâm không yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường.

- Đối với 22 cây hoa mẫu đơn quá trình điều tra không thu giữ được, đại diện theo ủy quyền của Trung tâm trải nghiệm sáng tạo Trường THCS - THPT J là ông Hà L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 6.600.000 đồng (300.000 đồng/ 01 cây mẫu đơn) theo kỷ phần mỗi bị cáo là 1.100.000 đồng. Các bị cáo đều đồng ý bồi thường theo yêu cầu cho Trung tâm trải nghiệm sáng tạo J.

- Đối với số tiền 6.000.000 đồng mà G, H, I (mỗi bị cáo 2.000.000 đồng) được L trả công khi cùng L đi trộm cắp tài sản xác định là tiền sử dụng vào việc phạm tội do vậy cần truy thu của G, H, I mỗi bị cáo 2.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe ô tô tự chế đã thu giữ của anh Trần Văn V1, quá trình điều tra làm rõ là tài sản của gia đình anh V1 để nhờ tại cổng nhà Đỗ Văn L, ngày 14/5/2020, L cùng đồng phạm tự ý sử dụng chiếc xe ô tô làm phương tiện trộm cắp tài sản, anh V1 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô cho anh V1.

- Đối với 01 xe ô tô tự chế Đỗ Văn L sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản vào rạng sáng ngày 15/5/2020, quá trình điều tra làm rõ là xe ô tô của gia đình anh Chu Văn Q1 (là bạn của L), đêm ngày 14/5, rạng sáng ngày 15/5/2020, chị Đinh Thị Y2 là vợ anh Q1 cho L mượn nhưng không biết L sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra không thu giữ chiếc xe ô tô nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 29K2-6371. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô là tài sản chung của bị cáo Bùi Văn I và vợ là chị Nguyễn Thị L1. Đêm ngày 14/5, rạng sáng ngày 15/5/2020, I sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện đi trộm cắp tài sản chị L1 không biết. Xét thấy chiếc xe mô tô trên hiện là phương tiện duy nhất để chị L1 sử dụng đi lại và làm ăn sinh sống nên cần trả lại chiếc xe mô tô cho chị L1.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 88K1-386.12, đăng ký mang tên chị Phan Thị Nh (là vợ bị cáo Nguyễn Văn H). Quá trình điều tra làm rõ xe mô tô là của chị Nh mua trả góp tại một cửa hàng mua bán xe máy ở

thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng làm phương tiện đi lại và làm ăn sinh sống hàng ngày, đêm ngày 14/5, rạng sáng ngày 15/5/2020, H sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện đi trộm cắp tài sản chị Nh không biết, xét thấy cần trả lại chiếc xe mô tô cho chị Nh.

- Đối với 01 xe mô tô, loại xe Dream, màu sơn nâu, số máy nguyên thủy: HA08E1613478, số khung không xác định, gắn BKS: 88F9-6262. Quá trình điều tra làm rõ là xe mô tô của Đỗ Văn L, L khai mua lại tại một cửa hàng mua bán xe máy cũ (L không nhớ tên, địa chỉ cụ thể) tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc vào khoảng đầu năm 2020, để sử dụng làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra đã tra cứu thì xác định chiếc xe mô tô này là vật chứng của vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 15/3/2019 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nên ngày 10/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã bàn giao chiếc xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L để điều tra theo thẩm quyền.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng - bạc đã cũ, số Imel: 35367707935953, kính màn hình bị nứt vỡ, thu giữ của bị cáo Đỗ Văn L; 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, đã cũ, màu: trắng đen bạc, nhãn hiệu: OPPO, màn hình bị nứt vỡ, số IMEI 1: 862651038638992, số IMEI 2: 862651038638984, thu giữ của bị cáo Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R). Quá trình điều tra làm rõ các bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu đen, đã cũ; số IMEI 1: 358860081288776; số IMEI 2: 358860081288774, thu giữ của bị cáo Bùi Văn I và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại màn hình cảm ứng, đã cũ, số IMEI 1: 352987102042431, số IMEI 2: 352988102042439, thu giữ của bị can Nguyễn Trung F. Quá trình điều tra xác định I, Văn không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho I và Văn nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Văn H, Cao Văn G, Bùi Văn I, Nguyễn Trung F và Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2020 đến ngày 24/9/2020.



Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/6/2020 đến ngày 26/6/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Cao Văn G từ 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung F 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bắt tạm giữ, tạm giam 18/6/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn I 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bắt tạm giữ, tạm giam 18/6/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xác nhận về bồi thường, xử lý vật chứng, tính án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, từ ngày 24 đến ngày 30 tháng 3 năm 2021 các bị cáo đều có đơn kháng cáo. Bị cáo Đỗ Văn L, bị cáo Cao Văn G và bị cáo Nguyễn Song R có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo Bùi Văn I, bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Trung F có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận tòa bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và đề nghị: Áp dụng Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2021/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Văn H, Cao Văn G, Bùi Văn I, Nguyễn Trung F và Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Văn H, Cao Văn G, Bùi Văn I, Nguyễn Trung F và Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 15 phút ngày 14/5/2020 đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 15/5/2020 tại Trung tâm Trải nghiệm sáng tạo Trường THCS - THPT J thuộc thôn O1, xã S2, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc, Đỗ Văn L, Nguyễn Văn H, Cao Văn G, Bùi Văn I, Nguyễn Trung V và Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) đã cùng nhau trộm cắp 100 cây hoa mẫu đơn, có giá trị 20.000.000 đồng của Trung tâm Trải nghiệm sáng tạo THCS - THPT J ở thôn O1, xã S2, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

[3] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan đúng pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Văn H, Cao Văn G, Bùi Văn I, Nguyễn Trung F và Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây mất an ninh, trật tự ở địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và làm gương cho người khác. Trong vụ án này, bị cáo Đỗ Văn L là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo Cao Văn G, Nguyễn Văn H, Bùi Văn I, Nguyễn Trung F và Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) là đồng phạm tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo L, H, V, I và G đều là những người có nhân thân xấu. Các bị cáo L, I, H và bị cáo V đã từng bị xử phạt hành chính về

hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo H còn bị xử phạt về hành vi tàng trữ pháo trái phép và bị Tòa án 02 lần đưa ra xét xử về tội đánh bạc. Bị cáo G sau khi phạm tội bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan điều tra, bị cáo đã từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà nay lại phạm tội. Khi xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xem xét nhân thân của các bị cáo để quyết định hình phạt 02 năm tù đối với bị cáo L và bị cáo H; 01 năm 09 tháng tù đối với bị cáo G; 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo I và bị cáo Văn; 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo R là có căn cứ và phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo nhưng ngoài những tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét, các bị cáo không đưa ra tình tiết mới nào, các bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, hoặc bị cáo L trình bày hiện đang bị u bàng quang. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Văn H, Cao Văn G, Bùi Văn I, Nguyễn Trung F và Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R). Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Văn H, Cao Văn G, Bùi Văn I, Nguyễn Trung F và Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2020 đến ngày 24/9/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/6/2020 đến ngày 26/6/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Cao Văn G từ 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung F 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bắt tạm giữ, tạm giam 18/6/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn I 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bắt tạm giữ, tạm giam 18/6/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R) 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Văn H, Cao Văn G, Nguyễn Trung F, Bùi Văn I và Nguyễn Song R (Nguyễn Hoàng R), mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- TAND huyện X;
- VKSND huyện X;
- Công an huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**